

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi và ông Nguyễn Minh Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Th2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. Ông Ngô Huy C1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp Th2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Tại phiên tòa vắng mặt bà G, ông C1 (Bà G, ông C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); chị N, anh C triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết bà có cho chị N vay tiền nhiều lần, đến năm 2018 bà có yêu cầu chị N viết lại giấy vay tiền và cộng lại số tiền nợ là 908.000.000 đồng. Sau đó bà có yêu cầu chị N ký tên đồng thời lấn tay vào giấy vay tiền đề ngày 11/7/2018, các bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, đến ngày 11/7/2021 là hạn trả nợ. Nhưng khi đến hạn trả nợ chị N không trả nợ như đã cam kết. Việc cho N vay tiền thì chồng của chị N là Bùi Văn C có biết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 908.000.000 đồng và 105.000.000 đồng tiền lãi quá hạn phát sinh do vi phạm nghĩa vụ chậm trả tính từ tháng 7/2021 cho đến tháng 01/2022 là 07 tháng với lãi suất cụ thể là $908.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 105.509.600 \text{ đồng}$, tổng số tiền là 1.013.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười ba triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác kể cả lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi. Chị N, anh C xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Tại biên tự khai ngày 05/6/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Chị N thừa nhận có vay tiền của bà G nhiều lần, lần đầu chị vay 70.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian, sau đó chị có vay thêm vài lần nữa nhưng mỗi lần vay là 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Tổng cộng số nợ chị đã vay của bà G là 300.000.000 đồng, chị có đóng lãi hàng tháng cho bà G nhưng không nhớ đóng lãi bao nhiêu. Mục đích vay tiền là để đầu tư hoa màu chứ không phải là mua rẫy như nội dung ghi trong giấy vay tiền bà G đã cung cấp cho Tòa án, việc chị vay tiền của bà G thì chồng chị là Bùi Văn C có biết. Nay bà G khởi kiện yêu cầu chị có thanh toán số tiền nợ 908.000.000 đồng và tiền lãi thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, ông Ngô Huy C1 bày:

Ông là chồng của bà G, số tiền bà G cho chị N vay là tài sản chung của hai vợ chồng, ông yêu cầu chị N, anh C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh chậm trả tổng số tiền là 1.013.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười ba triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác kể cả lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi. Chị N, anh C xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn, anh Bùi Văn C bày:

Anh là chồng của chị N, việc chị N vay tiền của bà G để đầu tư trồng hoa màu thì anh có biết nhưng số tiền vay nợ chỉ là 300.000.000 đồng chứ không

phải 908.000.000đồng như yêu cầu khởi kiện của bà G. Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh thanh toán số tiền nợ 908.000.000 đồng và tiền lãi thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà G (bản sao); 01 giấy vay tiền đề ngày 11/7/2018 (bản chính);

Để chứng minh cho ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản tự khai đề ngày 05/6/2022.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn. Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Kết luận giám định 946/KL-KTHS ngày 29/3/2022 và ngày 21/02/2022.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C có nghĩa thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh theo quy định. Về án phí: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với chị Nguyễn Thị Thúy N có nơi cư trú tại Ấp M, xã P, huyện T, Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C có nghĩa vụ liên đới trả tiền còn nợ theo giấy vay tiền có tiêu đề “Giấy cam kết vay tiền” đề ngày 11/7/2018; ông Ngô Huy C1 là chồng của bà Nguyễn Thị G, số tiền bà G cho chị N vay là tài sản chung của vợ chồng, việc giải quyết vụ án ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C1.

Căn cứ theo khoản 3, Điều 26, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định bà G là nguyên đơn, chị N là bị đơn, anh C, ông C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ “Giấy cam kết vay tiền” đề ngày 11/7/2018, thời hạn thanh toán nợ của chị N là ngày 11/7/2021. Đến thời hạn thanh toán chị N không thanh toán như thỏa thuận. Đến ngày 01/11/2021, bà G khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà G vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Bà G, ông C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà G, chị N, anh C, ông C1 theo quy định của pháp luật.

[5] Nội dung vụ án:

[5.1] Bà G khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 908.000.000đồng và 105.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ chậm trả tính từ tháng 7/2021 cho đến tháng 01/2022 là 07 tháng với lãi suất cụ thể là $908.0000.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 7\text{ tháng} = 105.509.600\text{ đồng}$, tổng số tiền là 1.013.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười ba triệu đồng).

Xét thấy, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy vay tiền” đề ngày 11/7/2018 mục người vay tiền có chữ ký “N”, ghi rõ họ tên “Nguyễn Thị Thúy N” và dấu vân tay của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà G có thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị Thúy N vay số tiền 908.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 36 tháng kể từ ngày 11/7/2018, lãi suất là 1,5%/tháng. Khi đến hạn thanh toán chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc chị N không trả tiền nợ vay nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G.

[5.2] Tại bản tự khai ngày 05/6/2022 chị N thừa nhận chữ ký “N”, ghi rõ họ tên “Nguyễn Thị Thúy N” và dấu vân tay trong giấy vay tiền đề ngày 11/7/2018 là của chị N, mục đích chị N vay tiền là để vợ chồng đầu tư trồng hoa màu và chồng chị là Bùi Văn C có biết việc chị vay tiền của bà G, tuy nhiên chị N trình bày chỉ có vay bà G số tiền là 300.000.000 đồng chứ không phải là 908.000.000 đồng như đơn khởi kiện của bà G và có đóng lãi hàng tháng cho bà G nhưng không nhớ đã đóng lãi số tiền bao nhiêu. Nay chị N chỉ đồng ý thanh toán cho bà G số tiền vay là 300.000.000đồng và xin trả hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

[5.3] Anh C là chồng của chị N cũng thừa nhận biết việc chị N vay tiền của bà G để vợ chồng đầu tư trồng hoa màu, anh C cho rằng số tiền chị N vay chỉ có 300.000.000 đồng chứ không phải 908.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà G. Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C thanh toán số tiền nợ 908.000.000 đồng và tiền lãi thì anh C không đồng ý, anh C chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000 đồng.

[5.4] Tại Kết luận giám định số 946/KL-KTHS các ngày 21/02/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện: Dấu vân tay dưới mục “Người vay (Ký và ghi rõ họ tên)” ghi họ tên Nguyễn Thị Thúy N trên “Giấy

vay tiền” ngày 11 tháng 7 năm 2018 (ký hiệu A) với dấu vân tay ngón trỏ phải trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là dấu vân tay cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 946/KL-KTHS các ngày 29/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện: Chữ ký “N” dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thúy N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2022 chị N thừa nhận chữ ký “N”, ghi rõ họ tên “Nguyễn Thị Thúy N” và dấu vân tay trong giấy vay tiền đề ngày 11/7/2018 là của chị N, là phù hợp với kết luận giám định số 946/KL-KTHS các ngày 21/02/2022 và ngày 29/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an.

[5.5] Bà G yêu cầu chị N và anh C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho vợ chồng bà G số tiền gốc và lãi là 1.013.000.000 đồng. Xét thấy, trong “Giấy vay tiền” đề ngày 11/7/2018 không có tên của anh C ký nhận, tuy nhiên anh C thừa nhận biết việc chị N vay tiền của bà G để vợ chồng đầu tư hoa màu và đồng ý trả cho bà G số tiền 300.000.000 đồng, chị N cũng thừa nhận vay tiền của bà G mục đích để đầu tư hoa màu chứ không phải là để mua đất rẫy. Như vậy, việc vay tiền của chị N là để vợ chồng cùng đầu tư làm ăn tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Do đó, bà G yêu cầu buộc anh C, chị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5.6] Chị N, anh C cho rằng chỉ vay của bà G số tiền 300.000.000 đồng không phải là 908.000.000 đồng và có đóng lãi hàng tháng cho bà G nhưng chị N, anh C không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chỉ vay của bà G số tiền 300.000.000 đồng, chị N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự vào ngày 11/7/2018 đã ký tên và điếm chỉ vào “Giấy vay tiền” đề ngày 11/7/2018 cho bà G, ngoài ra lời trình bày của chị N, anh C không được bà G thừa nhận, do đó lời trình bày của của chị N, anh C về việc cho rằng chỉ vay của bà G số tiền gốc là 300.000.000 đồng không phải là 908.000.000 đồng và đã đóng lãi hàng tháng cho bà G là không có cơ sở xem xét.

[5.7] Như vậy, giữa bà G và chị N có sự xác lập giao dịch vay mượn tiền với nhau bằng “Giấy vay tiền” vào ngày 11/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn trả nợ chị N không trả tiền cho bà G như đã thỏa thuận, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Như vậy, căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc chị N, anh C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho vợ chồng bà G theo “Giấy vay tiền” đề ngày 11/7/2018 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5.8] Lãi suất: Theo “Giấy vay tiền” đề ngày 11/7/2018 thể hiện việc vay tiền có thời hạn, có lãi suất. Nay bà G chỉ yêu cầu chị N, anh C phải chịu lãi suất quá hạn, bà G không yêu cầu chị N, anh C phải chịu lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi, ngoài ra bà G chỉ yêu cầu tính tiền lãi quá hạn từ 7/2021 cho đến tháng 01/2022 với mức lãi suất quá hạn là 1,66%/01 tháng, đây là sự tự nguyện của bà G phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Lãi suất quá hạn từ tháng 7/2021 cho đến tháng 01/2022 là 07 tháng. Cụ thể:

Lãi quá hạn: 908.0000.000đồng x 1,66%/tháng x 7 tháng = 105.509.600đồng

Tiền lãi phải trả: 105.509.600

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc chị N, anh C phải trả cho vợ chồng bà G số tiền gốc và lãi, tổng cộng là 1.013.000.000đồng.

[6] Về phương thức thanh toán nợ: Chị N, anh C xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đồng, tháng nào không có đủ thì trả 1.000.000 đồng nhưng bà G, ông C1 không đồng ý theo yêu cầu của chị N, anh C nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N, anh C.

[7] Theo đơn khởi kiện bà G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N, anh C phải trả cho bà G 04 chỉ vàng 18k (04 chỉ vàng 18k trị giá 13.000.000 đồng). Quá trình giải quyết, ngày 17/5/2022, bà G xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà G chỉ yêu cầu chị N, anh C phải trả lại cho bà G số tiền gốc và lãi là 1.013.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà G là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lại 04 chỉ vàng 18k; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Bà G không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[8] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G được chấp nhận yêu cầu nên không phải nộp án phí và được hoàn lại tạm ứng án phí số tiền là 19.815.000đ (Mười chín triệu tám mươilăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002088 ngày 02/11/2021 và số tiền 2.638.000đồng theo biên lai thu số 0002242 ngày 17/01/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Phát biểu tranh luận của nguyên đơn tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G, ông Ngô Huy C1 số tiền còn nợ gốc là 908.000.000 đồng (Chín trăm lẻ tám triệu đồng) và tiền lãi 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng), tổng số tiền là 1.013.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả lại 04 chỉ vàng 18k. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 42.390.000 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà G số tiền là 19.815.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002088 ngày 02/11/2021 và số tiền 2.638.000 đồng theo biên lai thu số 0002242 ngày 17/01/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bà G, chị N, anh C, ông C1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại